

Vận dụng mô hình Lớp học đảo ngược trong dạy học Chương III “Xã hội Cổ đại” (Lịch sử lớp 6) ở trường trung học cơ sở

Nguyễn Hoàng Phương Linh*

*Trường THCS Cao Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà

Received: 8/12/2023; Accepted: 19/12/2023; Published: 27/12/2023

Abstract: Based on the analysis of some theoretical issues, the article applies the flipped classroom model in teaching Chapter III “Ancient Society” (History grade 6) in middle school.

Keywords: Flipped classroom, teaching history, ancient Society.

1. Đặt vấn đề

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, học sinh (HS) rất dễ tiếp cận các nguồn kiến thức mới (Internet, sách báo, truyền thông,...), không chỉ gói gọn trong sách giáo khoa. Điều đó đặt ra một yêu cầu cấp thiết là cần có một phương pháp dạy học (PPDH) mới đáp ứng các yêu cầu trên, phát huy được năng lực (NL) của HS, việc dạy học không chỉ gói gọn trong phạm vi lớp học. Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom) (LHĐN) là một phương thức thiết kế dạy học theo LHĐN đã và đang phát triển tại nhiều quốc gia. Mô hình này giúp HS phát huy và rèn luyện ý thức tự học, tính chủ động làm chủ quá trình học tập của chính bản thân mà không còn bị động, phụ thuộc trong quá trình khám phá tri thức. Bài viết vận dụng mô hình LHĐN trong dạy học Chương III “Xã hội Cổ đại” (Lịch sử lớp 6) ở trường trung học cơ sở (THCS).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm lớp học đảo ngược

Lớp học đảo ngược (Flipped classroom) (LHĐN) là chiến lược giảng dạy và đồng thời là một kiểu học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến. Mô hình lớp học này trái ngược hoàn toàn với môi trường giảng dạy truyền thống do nội dung giảng dạy thường được diễn ra trực tuyến và bên ngoài lớp học. Khác với cách giảng dạy truyền thống khi mà bài tập được tiến hành tại nhà, lớp học đảo ngược lại đem bài tập vào trong lớp học.

FLN [3] cho rằng, các chữ cái đầu tiên trong thuật ngữ F-L-I-P là những yếu tố chủ yếu của lớp học đảo ngược bao gồm:

- Môi trường linh hoạt (Flexible Environment): bài giảng được đưa lên Internet cho phép HS truy cập, tự học ở nhà nên GV có thể tận dụng tối đa thời

gian ở lớp tổ chức cho HS hoạt động nhóm hoặc nghiên cứu độc lập. HS có thể tự chọn không gian, địa điểm và học tập theo tốc độ riêng của mình.

- Học tập nhân văn (Learning Culture): dạy học theo định hướng lấy HS làm trung tâm. HS phải có trách nhiệm học tập và tích cực hoạt động để tự tìm lấy kiến thức. Trong các hoạt động tương tác với bạn học, HS có thể mở rộng, khám phá sâu hơn về chủ đề bài học đồng thời có cơ hội trao đổi 1:1 với GV khi có vấn đề thắc mắc.

- Nội dung có chủ ý (Intentional Content): GV cung cấp các học liệu cần thiết, theo định dạng phù hợp cho HS tự học, tự nghiên cứu ở nhà. Khi đến lớp, HS có đủ kiến thức nền để tham gia, học tập hợp tác với bạn học, mở rộng, đào sâu kiến thức.

- Chuyên gia giáo dục (Professional Educator): GV đóng vai trò rất quan trọng trong một lớp học đảo ngược: quan sát, đánh giá, cung cấp hỗ trợ, phản hồi kịp thời trong suốt thời gian lên lớp thay vì chỉ thuyết giảng đơn thuần. GV chỉ thành công với FCM khi tạo ra được kết nối tốt với từng cá nhân HS và bao quát, kiểm soát toàn bộ hoạt động trong lớp theo chủ đích.

Theo cách hiểu đơn giản, LHĐN là đảo ngược quá trình học truyền thống, tức là HS sẽ nghe giảng tại nhà và việc làm bài tập, thực hành, ứng dụng được thực hiện trên lớp.

2.2. Vai trò của việc vận dụng mô hình LHĐN trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS

- Hình thành thói quen tự lực nghiên cứu tài liệu trước khi tới lớp: Hoạt động tự học ở nhà với hệ thống học liệu điện tử sẽ giúp HS hình thành thói quen tự lực nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp. Đây là bước khởi đầu để rèn luyện thói quen tích cực khám phá, tìm tòi mọi nơi, mọi lúc, mọi trường hợp và với nhiều đối tượng khác nhau, nâng cao dần lên

HS sẽ chủ động, tự lực nghiên cứu, độc lập tự giác trong học tập và tăng dần là học được nề nếp làm việc khoa học.

- *Hình thành thói quen đặt câu hỏi:* Bằng cách tự chịu trách nhiệm với việc học của mình và nguồn HLĐT được cung cấp, HS hoàn toàn có thể xem lại khi cần hoặc sử dụng các trợ giúp cá nhân có sẵn để tìm ra câu trả lời đúng đắn. Với những vấn đề chưa hiểu, HS chủ động hỏi thầy về những gì mình có nhu cầu. Khi biết mình cần hỏi gì, hỏi đúng trọng tâm chính là HS đã biết cách đặt câu hỏi.

- *Tạo nhu cầu trao đổi, tương tác với bạn, với thầy:* Sau thời gian tự học ở nhà, trong quá trình học tập trên lớp, HS được thảo luận, biện luận, phản biện về các câu hỏi, bài tập, từ đó mỗi HS được chia sẻ thông tin, học hỏi lẫn nhau; qua diễn đạt (lập luận) và hỏi lại (phản biện) tự soi xét lại sản phẩm mới học được của mình, bổ sung, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm về cách học.

- *Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ:* Trong mô hình LHĐN, giờ học ở lớp sẽ được GV tận dụng tối đa tổ chức cho HS vận dụng, thực hành kiến thức, thảo luận nhóm hoặc triển khai các dự án, giải quyết các vấn đề mở. Trong các hoạt động này, HS được rèn luyện các kỹ năng phát biểu ý kiến trước nhiều người (nhóm học tập, lớp, các GV), kỹ năng tham gia, trao đổi ý kiến trong học tập dưới hình thức thảo luận, xemina, thực hành theo nhóm, biết sử dụng các nghi thức ngôn ngữ và giao tiếp với từng cá nhân khác nhau với tư cách cá nhân hay tư cách là người đại diện cho nhóm. Ngoài ra, GV có thể hướng dẫn HS cách tổng hợp, đánh giá, bằng nhiều hình thức khác nhau: bằng lời văn, bằng biểu, sơ đồ, bản đồ tư duy... bằng ngôn ngữ của chính HS, diễn đạt theo cách hiểu của các em, chứ không phải là chép lại nội dung trong tài liệu.

- *Hình thành thói quen vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề:* NL giải quyết vấn đề bao gồm khả năng trình bày giả thuyết; xác định cách thức giải quyết và lập kế hoạch giải quyết vấn đề; khảo sát các khía cạnh, thu thập và xử lý thông tin; đề xuất các giải pháp, kiến nghị các kết luận. Việc thường xuyên rèn luyện năng lực này tạo cho HS thói quen hoạt động trí tuệ, luôn luôn tích cực khám phá, tìm tòi ở mọi nơi, mọi lúc, mọi trường hợp và với nhiều đối tượng khác nhau, nâng cao dần lên HS sẽ có thói quen vận dụng kiến thức có hiệu quả. Đồng thời việc vận dụng những điều đã học vào thực tiễn mang lại

hiệu quả cao cũng sẽ có tác động ngược lại, tạo cho họ lòng ham học, hứng thú với tự học, nhờ đó kết quả học tập sẽ ngày càng được nâng cao.

2.3. Biện pháp vận dụng mô hình LHĐN trong dạy học Chương III “Xã hội Cổ đại” (Lịch sử lớp 6) ở trường THCS

Các quốc gia cổ đại phương Đông xuất hiện sớm, vào khoảng thiên niên kỷ IV – III TCN và hầu hết xuất hiện trên lưu vực các con sông lớn, như lưu vực sông Nile ở Ai Cập, lưu vực Lưỡng Hà tạo nên bởi hai con sông Tigris và Euphrate, sông Indus và sông Ganges bồi đắp đồng bằng miền Bắc Ấn Độ, lưu vực Hoàng Hà và Trường Giang tạo nên đồng bằng Hoa Bắc, Hoa Trung và Hoa Nam rộng lớn. Các quốc gia cổ đại khu vực Địa Trung Hải, xuất hiện muộn hơn các quốc gia cổ đại phương Đông khoảng 20 - 30 thế kỷ và xuất hiện trên những bán đảo như bán đảo Balkans và Italia, cùng rất nhiều đảo nhỏ nên biển cả bao bọc cả bìa phía. Do điều kiện tự nhiên thuận lợi, nên các quốc gia cổ đại phương Đông thuận lợi phát triển nông nghiệp và thủ công nghiệp, xã hội sớm phân hoá thành giai cấp và nhà nước sớm ra đời. Hy Lạp và La Mã đất đai canh tác không nhiều và ít màu mỡ, nhưng bù lại có nhiều khoáng sản và loại cây công nghiệp quý, thuận lợi cho sự phát triển của các nghề thủ công, thương mại và hàng hải. Các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây để lại cho nhân loại những thành tựu văn minh rực rỡ. Mạch nội dung “Xã hội cổ đại” thuộc Chương III trong sách giáo khoa Cánh diều, bao gồm: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, Ấn Độ cổ đại, Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII, Hy Lạp - Rô Ma cổ đại.

Để vận dụng mô hình LHĐN trong dạy học Chương III “Xã hội Cổ đại” (Lịch sử lớp 6) ở trường THCS, GV phải thiết kế nguồn tài nguyên, học liệu số rất đa dạng, gồm đa dạng các nguồn học liệu số từ sách điện tử, bài kiểm tra dưới dạng tệp tin, các bài phát biểu, chương trình truyền hình, cho đến các loại hình ảnh, đồ họa thông tin, video, phim ảnh, hay các trang web chia sẻ tài nguyên, học liệu số...

2.3.1. Thiết kế bài học video multimedia (đa phương tiện)

Các bài học video đa phương tiện là mục được chú trọng phát triển nhất trong các học liệu số. Trước khi thiết kế, GV phải phân tích chi tiết cấu trúc, nội dung của cả chương để xác định được phương hướng, tiêu chí, từ đó mà quyết định về nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, tạo cơ sở xây

dựng các tài liệu, thiết kế các hoạt động học tập theo mục tiêu vừa giúp HS thu nhận kiến thức, vừa hướng dẫn, rèn luyện HS cách tự học, tạo được hứng thú và phát triển khả năng tư duy của HS, làm cho HS hiểu và nhớ lâu các kiến thức đã học, tạo niềm tin đối với khoa học. Từ đó đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử ở trường THCS.

2.3.2. Thiết kế bài học điện tử

Khác với bài giảng đa phương tiện, bài giảng điện tử Powerpoint sẽ giúp HS học với tốc độ chậm hơn so với video đa phương tiện. Sự phân phối kiến thức của bài giảng Powerpoint còn bao hàm cả các thao tác trình bày, ghi chép. Thông thường các HS có bản tính cẩn thận, hay ghi chép thích kiểu bài học này. Mặt khác thông qua các bài giảng điện tử, GV có thể phân hóa yêu cầu đối với HS theo các mức độ tự lực khác nhau. Các tài liệu được chọn lọc, vừa đa dạng vừa chính xác về nội dung nên không những không nhồi nhét kiến thức vào đầu các em mà còn định hướng cho các em tiếp nhận nội dung học tập đúng chuẩn, tránh tình trạng lượng thông tin tràn lan, đa chiều, không kiểm soát hiện nay để khiến người đọc lầm lẫn, chệch hướng.

2.3.3. Thiết kế hệ thống bài tập

Cũng giống như bài giảng đa phương tiện và bài giảng điện tử, để phù hợp với mục tiêu dạy học, các bài tập lịch sử cần đảm bảo các yêu cầu sau: Nội dung các bài tập phải phù hợp với nội dung các kiến thức cơ bản và kỹ năng giải bài tập của HS; Các bài tập phải đi từ dễ đến khó, từ đơn giản tới phức tạp... giúp cho HS xây dựng được phương pháp giải các loại bài tập điển hình; Mỗi bài tập phải là một mắt xích trong hệ thống bài tập, đóng góp vào việc củng cố, hoàn thiện và mở rộng kiến thức cho HS; Xây dựng bài tập phong phú để phát triển toàn diện NL cho HS; Các bài tập phải đảm bảo tính vừa sức đối với HS đại trà, đồng thời có chú ý tới sự phân hoá HS. Một số dạng bài tập cơ bản: Phiếu học tập, bài tập trực tuyến trắc nghiệm, trò chơi tương tác.

2.3.4. Thiết kế các nội dung mở rộng

Ngoài những nội dung theo quy định của yêu cầu cần đạt mà HS phải đạt được, khi biên soạn những bài học đa phương tiện, các nội dung mở rộng có liên quan gần gũi hoặc trực tiếp, mang tính thực tiễn đều được tích hợp ngay trong bài học multimedia, được miêu tả bằng những hình ảnh, âm thanh lời cuốn nhằm kích thích hứng thú học tập cho HS, lý giải những hiện tượng trong đời sống thuộc phạm vi kiến

thức bài học lịch sử một cách trực quan giúp HS dễ tiếp nhận, dễ nắm bắt thông tin đồng thời có niềm tin vào khoa học, trở nên yêu thích lịch sử thực sự.

Tuy nhiên, với những nội dung mở rộng sâu, với mỗi đơn vị kiến thức, GV sử dụng các ứng dụng để cung cấp nội dung này. Nội dung mở rộng có thể dưới dạng văn bản hoặc video dành cho HS có say mê, yêu thích tìm hiểu. Bước đầu định hình, gợi mở, hướng dẫn cho các em cách để tìm kiếm thông tin, để tiếp cận với niềm yêu thích khoa học. Đây là một cơ hội phát triển tuyệt vời mà các môi trường học tập truyền thống không có được. HS có cơ hội thực hiện những yêu cầu bậc cao của năng lực tự học, trải nghiệm việc tự học suốt đời, tự học những nội dung chuyên sâu, nâng cao so với trình độ phổ thông, nằm ngoài những kiến thức trong SGK.

2.3.5. Rèn luyện kỹ năng tự học cho HS trước giờ học

Để có thể xây dựng bài học vận dụng phương pháp “lớp học đảo ngược” GV cần rèn cho HS khả năng tự học và tự tìm hiểu kiến thức lịch sử bằng nhiều hình thức khác nhau. Rèn luyện kỹ năng tự học lịch sử tức là luyện tập cho HS thành thạo một hệ thống các thao tác độc lập trong việc chiếm lĩnh tri thức lịch sử và đạt được hiệu quả cao khi lựa chọn và vận dụng những tri thức đó một cách phù hợp trong những hoàn cảnh nhất định.

3. Kết luận

Sử dụng HLĐT trong dạy học là một trong những xu hướng ứng dụng CNTT đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. HLĐT có thể được sử dụng linh hoạt ở các hình thức dạy học khác nhau. Đối với việc DHLS, sử dụng HLĐT nên được coi là một trong những biện pháp đổi mới phương pháp dạy học ở phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho HS và phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình ETEP, Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh (2021), *Tài liệu Mô đun 9: Ứng dụng CNTT, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục HS THPT môn Lịch sử.*

2. Nguyễn Thị Phương Liên - Lưu Thanh Tuấn, (6/2020), Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược vào dạy học Hóa hữu cơ (Hóa học lớp 9) nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh, *Tạp chí Giáo dục*, số 2, 479, Kì 1, tr.13 -17.

3. Flipped Learning Network (FLN) (2014), *The four pillars of FLIPTM*, Retrieved from <http://www.flippedlearning.org/definition>.